

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ KT
TỈNH LA

Bản án số: 29 /2020/DS-ST

Ngày: 28- 8 - 2020

V/v “tranh chấp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Anh

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà 182, ấp Bàu Chứa, xã Thạnh Hưng, thị xã KT, tỉnh LA.
(có mặt)

- Bị đơn: Bà Hà Thị Tuyết N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp Bàu Mua, xã Thạnh Hưng, thị xã KT, tỉnh LA.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2020, biên bản hòa giải ngày 22/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày: Vào ngày 07/12/2018 bà N thừa nhận có tham gia các dây hội và hốt được tổng cộng là 307.000.000đ nhưng bà N không góp hội chết trở lại. Nay bà L yêu cầu bà N phải trả lại số tiền hội đã hốt là 307.000.000đ cùng với lãi suất tính từ ngày 07/12/2018 đến ngày 07/6/2020 là 18 tháng, theo mức lãi suất do nhà nước quy định. Ngoài ra, bà L còn yêu cầu bà N phải hoàn trả số tiền của dây hội 5.000.000đ bà N đã hốt được 55.000.000đ cùng với lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định mà từ tháng 02/2018 đến nay không góp hội chết trở lại; Tổng cộng bà L yêu cầu hai khoản nợ hội là 362.000.000đ, và tiền lãi tính từ ngày 07/12/2018 đến 07/6/2020 theo mức lãi suất do nhà nước quy định.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Hà Thị Tuyết N trình bày: bà N thừa nhận có tham gia hội và hốt được số tiền 307.000.000đ đến nay chưa góp hội chết trở lại cho bà L. Còn khoản nợ hội 55.000.000đ, dây hội 5.000.000đ mà bà L yêu cầu trong đơn khởi kiện mặc dù tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2020 bà N không thừa nhận có nợ bà L số tiền này nhưng tại phiên tòa bà N xác định lại và thừa nhận cũng còn nợ bà L số tiền 55.000.000đ của dây hội 5.000.000đ như bà L đã yêu cầu. Do hoàn cảnh kinh tế

khó khăn nên bà N xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ đến khi hết nợ. Về tiền lãi thì bà N cho rằng đây là tiền hụi chứ không phải tiền vay nên không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị Tuyết N phải có nghĩa vụ trả số tiền hụi gồm gốc và lãi nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hụi theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Hà Thị Tuyết N cư trú tại: ấp Bàu Mua, xã Thạnh Hưng, thị xã KT, tỉnh LA, do đó Tòa án nhân dân thị xã KT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 07/12/2018 bà N thừa nhận có tham gia các dây hụi và hốt được tổng cộng là 307.000.000đ nhưng bà N không góp hụi chết trở lại và nay bà L yêu cầu bà N phải trả lại số tiền hụi đã hốt là 307.000.000đ cùng với lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định, tính từ ngày 07/12/2018 đến ngày 07/6/2020.

[2.2] Ngoài ra, bà L còn yêu cầu bà N trả số tiền hụi 55.000.000đ của dây hụi 5.000.000đ; Mặc dù tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2020 bà N không thừa nhận có nợ số tiền này nhưng tại phiên tòa bà đã thừa nhận còn nợ bà số tiền này như bà L đã nêu.

[2.3] Xét thấy, bà N thừa nhận nợ hụi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật dân sự. Khi giao kết hợp đồng hụi giữa bà L và bà N là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên được quy định tại các Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2.4] Bà N tham gia hụi, mục đích là để có tiền đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và nay vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N cần buộc bà N phải trả số tiền của hai khoản nợ hụi là tổng cộng là 362.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 288, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2.5] Về tiền lãi và lãi suất bà N cho rằng đây là nợ hụi chứ không phải vay nên không đồng ý trả lãi. Tuy nhiên, bà N cũng thừa nhận tổng cộng số tiền 362.000.000đ là được kết hụi lại từ ngày 07/12/2018 đến nay bà vẫn chưa trả; Do đó, bà L yêu cầu tính lãi kể từ ngày kết hụi đến ngày 07/06/2020 theo mức lãi suất nhà nước quy định là có căn cứ; Tiền lãi được tính như sau: $362.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 18 tháng = 48.870.000đ$.

[2.6] Về phương thức thanh toán: Bà L yêu cầu bà N thanh toán nợ một lần, bà N xin được trả dần nhưng bà L không đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét cho trả dần.

[2.7] Về án phí: Buộc bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 280, 468, 471 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L đối với bà Hà Thị Tuyết N về “tranh chấp hui”.

Buộc bà Hà Thị Tuyết N phải trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền hui là 362.000.000đ (ba trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi là 48.870.000đ (bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng); Tổng cộng gốc và lãi là 410.870.000đ (bốn trăm mười triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Hà Thị Tuyết N phải chịu 20.543.500đ (hai mươi triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước; Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.543.000đ (mười triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009315 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã KT.

4. Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- TAND tỉnh LA;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)